

DANH GIÁ THEO CHỈ SỐ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ TRONG SỞ GIÁO DỤC
TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC NAM HẠ NĂM HỌC 2023 -2024

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm Tự đánh giá	Mức độ	Mức độ tự đánh giá	Minh chứng	Ghi chú
1.	Chuyển đổi số trong dạy học	100						
1.1	Có kế hoạch dạy học trực tuyến (kết hợp dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong xây dựng kế hoạch hằng năm)			X				Điều kiện bắt buộc
1.2	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến			X				Điều kiện bắt buộc
	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến							Zoom Cloud Meeting; Trans; Microsoft Teams
	- Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến (ghi tên)		6	6				
	Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/ hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin; Tên giải pháp; tự xây dựng/ thuê/ mua).				Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: Từ 10-20 điểm Mức độ 3: Trên 20 điểm			
1.3	- Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giáo viên giao bài tập cho HS tự học; (2) GV trả lời (giải đáp) các câu hỏi của HS; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) PHHS tham gia vào các hoạt động học tập của HS	30						
			6	6				
			6	3				
			6	2				
			6	2				
1.4	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ CM thông qua và được người đứng đầu CSGD phê duyệt)	10	- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm - Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm - Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm	6	Mức độ 1: dưới 4 điểm Mức độ 2: từ 4 -6 điểm Mức độ 3: trên 7 điểm	Mức độ 2	đường link và số lượng học liệu	Có thể bổ sung được



STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm Tự đánh giá	Mức độ	Mức độ tự đánh giá	Minh chứng	Ghi chú
1.5	Cơ sở chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: Có phần mềm, máy tính kết nối mạng Lan (<i>cung cấp thông tin và giải pháp phần mềm</i>)	20	Tối đa 15 điểm	10	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8-14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Mức độ 2	Quy chế, kế hoạch văn bản triển khai	<i>Cơ chế hỗ trợ được nhưng cần hỗ trợ của bên Trung tâm Tin học</i>
			Tối đa 5 điểm	0				
1.6	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số; -Ti lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động; thường xuyên theo nhu cầu	20	<30%, tối đa 2 điểm 30% - 60%, tối đa 4 điểm >60%, tối đa 7 điểm	7				
			<30%, tối đa 2 điểm 30% - 60%, tối đa 4 điểm >60%, tối đa 7 điểm	7	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8-14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Mức độ 3		
			<30%, tối đa 2 điểm 30% - 60%, tối đa 4 điểm >60%, tối đa 6 điểm	6				
			<20%, tối đa 2 điểm 20% - 60%, tối đa 5 điểm >60%, tối đa 8 điểm	8				
1.7	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy học: - Ti lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	Mức độ 1: tối đa 2 điểm Mức độ 2: tối đa 5 điểm Mức độ 3: tối đa 7 điểm Tối đa: 5 điểm	0				
			Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8-14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	7	Mức độ 3			
			Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8-14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	7				
1.7	- Có phòng Studio (gồm máy tính, thiết bị phụ trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)	20	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8-14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	7				
			Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8-14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	7				

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm Tự đánh giá	Mức độ	Mức độ tự đánh giá	Minh chứng	Ghi chú
	Tổng điểm (Chuyên đối số trong dạy học)	100		70		Mức độ 2- Mức đáp ứng cơ bản (VI > 50đ)		
2	Chuyên đối số trong quản trị cơ sở giáo dục	100						
2.1	Cơ giáo dục thành lập Ban chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyên đối số (thông tin, Họ và tên, chức vụ, email, điện thoại)			x				<i>Điều kiện bắt buộc</i>
2.2	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyên đối số			x				<i>Điều kiện bắt buộc</i>
	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin; tên giải pháp, tự xây dựng/ mua/ thuê);		Tối đa 6 điểm	6				
	- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường		Tối đa 6 điểm	6			Dường link/ quy chế/ Văn bản hướng dẫn <a href="https://qivb.hpne
t.vn/">https://qivb.hpne t.vn/ ;	
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng số: Tối đa 10 điểm	10	Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20-50 điểm		<a href="https://truong.haiphong.edu.vn/L
ogin.aspx?dv=C
1;">https://truong.haiphong.edu.vn/L ogin.aspx?dv=C 1;	
2.3	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV	70	Tối đa 6 điểm	6	Mức độ 3: trên 50 điểm	Mức độ 3		
	- Có triển khai phân hệ quản lý CSVC		Tối đa 10 điểm	10				
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin sức khỏe HS		Tối đa 10 điểm	5				
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		Tối đa 6 điểm	6				
	- Phần mềm kết nối và trao đổi dữ liệu với CSDL ngành (do BGD quản lý)		Tối đa 6 điểm	6				
2.4	- Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến - Có triển khai dịch vụ kết nối gia đình và nhà trường (thông tin; qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng Web).	30	Tối đa 8 điểm	5	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10-18 điểm	Mức độ 3	Dường link/ quy chế/ Văn bản	



STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần		Điểm Tự đánh giá	Mức độ	Mức độ tự đánh giá	Minh chứng	Ghi chú
			Tối đa 12 điểm	Tối đa 10 điểm					
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến: - Có triển khai dịch vụ thu phí giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt				12 10	Mức độ 3: trên 18 điểm			
	Tổng điểm (Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục)	100			82		Mức độ 3- Đáp ứng Tốt (Vi > 75đ)		

Nam Sơn, ngày 11 tháng 10 năm 2023



PHỤ TRƯỞNG

Vũ Thị Minh